

Số: **03** /2016/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **26** tháng 01 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định trách nhiệm và phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước
đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh
doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng
tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ
quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015 của Hội đồng
nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 12 Quy định về phân cấp quản lý nhà nước
đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý
của tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trách nhiệm và
thẩm quyền quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức,
đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện
Quy định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký,
bãi bỏ Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của Ủy ban nhân dân

de

tính quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

ck

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để b/cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT&NS - HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh, CV;
- Sở Tư pháp, KBNN tỉnh;
- TT Công báo, TT Tin học;
- Lưu: VT, K17.

ck

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Cao Thắng

QUY ĐỊNH

Về trách nhiệm và phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/2016/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Việc đầu tư, mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách địa phương đảm bảo.

3. Tài sản nhà nước bao gồm: trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác do pháp luật quy định.

4. Tài sản nhà nước trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này, bao gồm:

a) Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội: Nhà nước giao tài sản bằng hiện vật, quyền sử dụng đất, giao ngân sách để các cơ quan, tổ chức đơn vị đầu tư, xây dựng, mua sắm, sửa chữa.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Nhà nước giao tài sản bằng hiện vật, quyền sử dụng đất, giao ngân sách để các cơ quan, tổ chức đơn vị đầu tư, xây dựng, mua sắm, sửa chữa và tài sản được đầu tư, xây dựng, mua sắm bằng tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

c) Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Tài sản nhà nước là trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất mà Nhà nước giao cho các tổ chức quản lý, sử dụng.

d) Tài sản được hình thành từ nguồn xã hội hóa mà tỷ lệ góp vốn của Nhà nước từ 30% trở lên.

5. Tài sản nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này, bao gồm:

a) Tài sản nhà nước đã có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quyền sở hữu cho tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và tài sản mà Nhà nước giao cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp quản lý, sử dụng mà không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này thuộc sở hữu của tổ chức đó.

b) Việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh quốc gia (trừ Khoản 2 Điều này); tài sản dự trữ quốc gia; tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; tài nguyên thiên nhiên và đất đai khác; tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Đối với các đơn vị lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn địa phương: việc mua sắm tài sản để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội từ nguồn kinh phí của địa phương thực hiện theo Quy định này; các nội dung khác còn lại (điều chuyển, thanh lý, bán, hủy, cho thuê tài sản...) thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; phân cấp rõ về thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc phân cấp phù hợp với quy định về phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước, đáp ứng với tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý tài sản nhà nước trong giai đoạn hiện nay của địa phương.

2. Tài sản nhà nước được đầu tư, trang bị, mua sắm đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ; đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện công khai, minh bạch; sử dụng đúng mục đích; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải được xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

ck

3. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là để tạo điều kiện và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tài sản nhà nước; đồng thời tăng cường thực hiện công tác giám sát, hướng dẫn, kiểm tra của các cấp, các ngành cũng như các cơ quan, tổ chức, đơn vị về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Đối với việc mua sắm máy móc, trang thiết bị làm việc và tài sản khác phục vụ công tác chuyên môn từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia và kinh phí đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia: ngoài việc thực hiện theo thẩm quyền phân cấp phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và dự toán xây dựng, Thủ trưởng đơn vị thực hiện mua sắm tài sản phải có văn bản thống nhất ý kiến với cơ quan tài chính cùng cấp theo Quy định này trước khi quyết định mua sắm.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 4. Nội dung phân cấp về quản lý tài sản nhà nước

1. Quyết định mua sắm tài sản.
2. Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản nhà nước.
3. Quyết định thuê tài sản.
4. Quyết định thu hồi tài sản.
5. Quyết định điều chuyển tài sản.
6. Quyết định bán tài sản.
7. Quyết định thanh lý, tiêu hủy tài sản.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHƯA TỰ CHỦ TÀI CHÍNH

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản Nhà nước

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm:

a) Trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (kể cả quyền sử dụng đất), cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Ô tô và phương tiện vận tải khác;

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 05 tỷ đồng trở lên của cơ quan, tổ chức, đơn vị (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại; trừ danh mục tài sản mua sắm theo phương thức tập trung được áp dụng đối với các loại tài sản có số lượng mua sắm nhiều, tổng giá trị mua sắm lớn và có yêu cầu được trang bị đồng bộ, hiện đại do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh mục).

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp tương đương quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác:

a) Trường hợp các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp tương đương có đơn vị trực thuộc:

- Có giá trị từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Giám đốc Sở Tài chính.

- Có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 300 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.

b) Trường hợp các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp tương đương không có đơn vị trực thuộc:

- Có giá trị từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) tại đơn vị mình sau khi có ý kiến thống nhất của Giám đốc Sở Tài chính.

- Có giá trị dưới 300 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán dưới 01 tỷ đồng (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) tại đơn vị mình.

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp tương đương quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác:

a) Có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 200 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.



b) Có giá trị dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán dưới 200 triệu đồng (*kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại*) tại đơn vị mình, đồng gửi báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để theo dõi.

4. Trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch và đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (*gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*) quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng (*kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại*) của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác:

a) Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có đơn vị trực thuộc:

- Có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm có dự toán từ 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng (*kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại*) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng (*kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại*) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi.

b) Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện không có đơn vị dự toán trực thuộc:

- Có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm có dự toán từ 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng (*kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại*) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Có giá trị dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm có dự toán dưới 200 triệu đồng (*kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại*) của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

6. Thủ trưởng tại các đơn vị dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác:

- Có giá trị dưới 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán dưới 100 triệu đồng (*kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng*

ck

loại) tại đơn vị mình, đồng gửi báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để theo dõi.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt Ủy ban nhân dân cấp xã) mua sắm máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác:

a) Có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

b) Có giá trị dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán dưới 200 triệu đồng (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

8. Giá trị 01 đơn vị tài sản là đơn giá/1 đơn vị tài sản; gói mua sắm tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) là kinh phí mua sắm được cấp có thẩm quyền giao trong dự toán hàng năm, kinh phí bổ sung (nếu có) hoặc nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật để mua sắm tài sản trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và chế độ do Nhà nước quy định.

9. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị lập Kế hoạch mua sắm tài sản nhà nước theo thời gian lập dự toán ngân sách, gửi cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, tổng hợp. Nghiêm cấm việc chia lẻ giá trị mua sắm tài sản nhà nước để thực hiện việc mua sắm theo các hình thức không thuộc thẩm quyền hoặc cố tình quyết định mua sắm tài sản không đảm bảo theo thẩm quyền phân cấp cho đơn vị theo quy định tại Điều này.

10. Đối với việc mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ bảo đảm hoạt động thường xuyên (trừ các vật tư, công cụ, dụng cụ đã có văn bản của Nhà nước quy định khác hoặc hướng dẫn riêng) của cơ quan, tổ chức, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc mua sắm theo Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và các quy định hiện hành.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản nhà nước

1. Đối với việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản nhà nước sử dụng từ nguồn vốn đầu tư phát triển thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

2. Việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, bảo dưỡng tài sản nhà nước từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác chỉ được thực hiện khi dự toán sửa chữa, bảo dưỡng tài sản nhà nước không vượt quá 30% nguyên giá tài sản theo sổ sách kế toán; hoặc không vượt quá 70% so với giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm thực hiện việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản.

3. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là

trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản và tài sản khác còn lại có dự toán từ 300 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp tương đương:

a) Trường hợp các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp tương đương có đơn vị trực thuộc:

- Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản và tài sản khác còn lại có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính.

- Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản và tài sản khác còn lại có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Trường hợp Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp tương đương không có đơn vị trực thuộc:

- Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản và tài sản khác còn lại có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/1 đơn vị tài sản tại đơn vị mình sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính.

- Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản và tài sản khác còn lại có dự toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản tại đơn vị mình.

5. Thủ trưởng đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp tương đương quản lý:

- Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và các tài sản khác còn lại có dự toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

6. Trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch và cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản và tài sản khác còn lại có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

7. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện:

đk7

a) Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có đơn vị trực thuộc:

- Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản và tài sản khác còn lại có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản và tài sản khác còn lại có dự toán từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện không có đơn vị trực thuộc:

Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản và tài sản khác còn lại có dự toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản tại đơn vị mình.

8. Thủ trưởng tại các đơn vị dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý:

Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán dưới 20 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và các tài sản khác còn lại có dự toán dưới 20 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và tài sản khác còn lại có dự toán từ 20 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

b) Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và các tài sản khác còn lại có dự toán dưới 20 triệu đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

10. Việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện theo dự toán chi từ nguồn kinh phí của các tổ chức này.

11. Về thẩm quyền quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng tài sản nhà nước:

a) Đối với tài sản nhà nước đã có quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng tài sản nhà nước của Bộ

quản lý chuyên ngành hoặc của Ủy ban nhân dân tỉnh: giao thủ trưởng cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định.

b) Đối với tài sản nhà nước chưa có chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng của Bộ quản lý chuyên ngành hoặc của Ủy ban nhân dân tỉnh: giao thủ trưởng cơ quan, tổ chức được giao quản lý sử dụng tài sản nhà nước quy định chế độ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước thuộc phạm vi cơ quan, tổ chức mình quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc và tài sản khác

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Thuê trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp để phục vụ hoạt động thuộc cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý;

b) Máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) từ 200 triệu đồng trở lên.

2. Thủ trưởng Sở, ban, ngành cấp tỉnh và cấp tương đương quyết định:

a) Máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng sau khi có ý kiến thống nhất bằng Văn bản của Sở Tài chính.

b) Máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) dưới 100 triệu đồng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định:

a) Thuê trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp để phục vụ hoạt động cho các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.

b) Thuê máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) từ 100 triệu đồng trở lên.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định: Thuê máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) dưới 100 triệu đồng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Phòng Tài chính - Kế hoạch.



5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê tài sản: Ô tô, phương tiện vận tải; Trang thiết bị làm việc nhằm phục vụ hoạt động chuyên môn của đơn vị trong nguồn kinh phí được Ngân sách nhà nước giao hàng năm.

Điều 8. Thẩm quyền thu hồi tài sản nhà nước; quản lý, xử lý tài sản nhà nước thu hồi.

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản nhà nước do Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, sử dụng:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, công trình xây dựng gắn liền với đất.

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải.

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản mà sử dụng không đúng mục đích, vượt tiêu chuẩn định mức.

d) Tài sản do thực hiện đầu tư xây dựng mới; tài sản do mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi sở hữu không đúng thẩm quyền theo quy định.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của Sở, ban, ngành cấp tỉnh và cấp tương đương.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền điều chuyển tài sản nhà nước.

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước do Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, sử dụng:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, công trình xây dựng gắn liền với đất.

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải.

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản;

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá sổ



sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh; giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh với các huyện.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp tương đương quyết định điều chuyển tài sản máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý và giữa cấp xã quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp thuộc địa phương quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, các công trình xây dựng gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất.

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải.

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán các tài sản máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán các tài sản máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý, tiêu hủy tài sản nhà nước

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý, tiêu hủy tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất (không bao gồm quyền sử dụng đất), trừ các trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 và điểm a Khoản 4 Điều này.



b) Xe ô tô, phương tiện vận tải.

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp tương đương quyết định thanh lý, tiêu hủy tài sản nhà nước, gồm:

a) Nhà làm việc hoặc các tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh quản lý.

b) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh, trên cơ sở thống nhất bằng Văn bản của Giám đốc Sở Tài chính.

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng tại các đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp tương đương quyết định thanh lý, tiêu hủy tài sản nhà nước, gồm:

Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý, tiêu hủy tài sản Nhà nước, gồm:

a) Nhà làm việc hoặc các tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện quản lý.

b) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc huyện quản lý.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý, tiêu hủy tài sản Nhà nước:

a) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100

triệu đồng/1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

b) Máy móc, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị chuyên dùng và các tài sản khác khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý.

6. Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, tổ chức quyết định tiêu hủy tài sản (xóa bỏ sự tồn tại của tài sản) được giao quản lý, sử dụng theo phân cấp; đảm bảo các điều kiện về tiêu hủy tài sản và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Đối với việc thanh lý vật tư, công cụ, dụng cụ bảo đảm hoạt động thường xuyên (*trừ các vật tư, công cụ, dụng cụ đã có văn bản của Nhà nước quy định khác hoặc hướng dẫn riêng*) của cơ quan, tổ chức, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định.

Chương III

PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ CHỦ TÀI CHÍNH

Mục I

Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính đã được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

Điều 12. Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính đã được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đã giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Chương IV Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Chương III Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (*gọi tắt Nghị định số 52/2009/NĐ-CP*); Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ (*gọi tắt Nghị định số 04/2016/NĐ-CP*); Thông tư số 12/2012/TT-BTC ngày 06/02/2012 về hướng dẫn tiêu chí xác định đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp (*gọi tắt Thông tư số 12/2012/TT-BTC*) và các quy định khác có liên quan.

de

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính đã được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp phải xây dựng Đề án sử dụng tài sản phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý) phê duyệt; trên cơ sở đó Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước Nhà nước trong việc bảo toàn, phát triển vốn, tài sản nhà nước được giao và các nghĩa vụ khác theo quy định.

Điều 13. Thẩm quyền mua sắm tài sản

1. Việc sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định này.

2. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản từ nguồn tài chính của đơn vị là:

- a) Trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- b) Xe ô tô; phương tiện vận tải.
- c) Tài sản khác có giá trị mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng đơn vị quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này từ nguồn tài chính của đơn vị phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đơn vị, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 14. Quyết định sử dụng tài sản nhà nước dùng vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp; ô tô, phương tiện vận tải; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

2. Thủ trưởng đơn vị quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Điều 15. Quyết định sử dụng tài sản nhà nước dùng vào mục đích cho thuê; liên doanh, liên kết

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp; ô tô, phương tiện

ck

vận tải; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản vào mục đích cho thuê; liên doanh, liên kết.

2. Thủ trưởng đơn vị quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này vào mục đích cho thuê; liên doanh, liên kết.

3. Đối với việc cho thuê các hạng mục thuộc trụ sở làm việc trong thời gian ngắn, không liên tục (hội trường, phòng họp, phòng hội thảo, phòng thí nghiệm...), Thủ trưởng đơn vị có tài sản cho thuê xác định và công khai mức giá thuê, đồng gửi cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi. Việc cho thuê tài sản được thực hiện theo mức giá thuê đã công bố.

Điều 16. Quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản

Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, điều chuyển đối với tài sản nhà nước tại đơn vị.

Điều 17. Quyết định bán, thanh lý, tiêu huỷ tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, thanh lý, tiêu huỷ tài sản nhà nước đối với trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm quyền sử dụng đất đối với trường hợp thanh lý, tiêu huỷ); xe ô tô, phương tiện vận tải; tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng đơn vị quyết định việc bán, thanh lý, tiêu huỷ tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này theo các quy định hiện hành.

3. Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của đơn vị không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, đơn vị phải có báo cáo giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước khi nhượng bán tài sản cố định để theo dõi, giám sát.

Điều 18. Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản nhà nước

1. Việc sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước để sửa chữa, bảo dưỡng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 01 tỷ đồng trở lên; xe ô tô, phương tiện vận tải, tài sản khác có dự toán từ 300 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản từ nguồn tài chính của đơn vị.

3. Thủ trưởng đơn vị quyết định việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này theo chế độ, định mức Nhà nước quy định.



Mục II

Việc quản lý sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

Điều 19. Việc quản lý sử dụng tài sản Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đã giao cho đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thực hiện theo quy định tại Chương IV Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Chương III Nghị định số 52/2009/NĐ-CP; Nghị định số 04/2016/NĐ-CP; Điều 12 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt Nghị định số 16/2015/NĐ-CP).

2. Thảm quyền quản lý sử dụng tài sản đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư nhưng chưa đủ điều kiện vận dụng cơ chế Quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được áp dụng như đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính tại Mục I; Chương III Quyết định này.

Điều 20. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư khi được vận dụng cơ chế Quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được vận dụng cơ chế Quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ khi đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 21 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Nghị định số 04/2016/NĐ-CP; Thông tư số 12/2012/TT-BTC; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được vận dụng cơ chế Quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; phải xây dựng Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp và Đề án sử dụng tài sản được Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý) phê duyệt.

3. Về quy định Quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được vận dụng cơ chế Quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được quy định tại các điều thuộc Chương III Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

4. Các nội dung khác còn lại liên quan đến việc Quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được

vận dụng cơ chế Quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ngoài Khoản 3 Điều này, được áp dụng quy định như đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính tại Mục I, Chương III Quy định này.

Chương IV

BÁO CÁO, CÔNG KHAI, THANH TRA, KIỂM TRA VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 21. Báo cáo kê khai tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được quản lý và đăng ký kê khai tài sản theo đúng quy định của pháp luật. Những tài sản phải đăng ký, kê khai quyền quản lý, sử dụng, bao gồm:

- a) Trụ sở làm việc cơ quan hành chính, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- b) Xe ô tô các loại.
- c) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được Nhà nước giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản phải báo cáo, kê khai quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước với cơ quan tài chính.

- a) Báo cáo kê khai lần đầu: theo biểu mẫu Bộ Tài chính quy định.
- b) Báo cáo kê khai bổ sung thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi, đối với tài sản đưa vào sử dụng do hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn thì thời gian thay đổi tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng.

c) Trường hợp cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều này không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, cơ quan tài chính nhà nước có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ thanh toán các khoản chi phí liên quan đến tài sản phải báo cáo và không bố trí kinh phí mua sắm tài sản cố định vào dự toán ngân sách năm sau của cơ quan đó; người đứng đầu cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước bị xử lý theo quy định.

3. Đối với những tài sản cố định khác không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lập thẻ tài sản cố định để theo dõi, hạch toán và thực hiện chế độ quản lý tài sản nhà nước theo quy định.

4. Nội dung, trình tự, hồ sơ kê khai quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

sk

Điều 22. Báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Các cơ quan tổ chức đơn vị được giao quản lý sử dụng tài sản nhà nước định kỳ hằng năm thực hiện công khai việc mua sắm, đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định.

2. Nội dung trình tự thực hiện công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo Điều 35 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ và các Văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 23. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được quy định như sau:

a) Trên cơ sở nghị của Sở Tài chính và cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước. và Thông tư số 07/2014/TT-BTC ngày 14/01/2014 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định tại quy định Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.

Điều 24. Kiểm kê tài sản và tính hao mòn tài sản cố định

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện kiểm kê tài sản vào ngày 31 tháng 12 hàng năm theo quy định của chế độ kế toán và thực hiện tính hao mòn tài sản theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 25. Quy định sử dụng phần mềm Quản lý tài sản cố định



Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố được sử dụng phần mềm Quản lý tài sản cố định trong công tác quản lý được giao, theo tiêu chuẩn quy định tại Thông-tư số 184/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm quản lý tài sản cố định áp dụng trong khu vực hành chính sự nghiệp.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Trách nhiệm thực hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật và Quy định này.

c) Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo và triển khai thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi mình quản lý theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy định này.

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và kê khai, đăng ký tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và Quy định này. Hàng năm, tổng hợp báo cáo tình hình mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản nhà nước đến thời điểm 31 tháng 12, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 01 của năm sau để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định.

c) Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước lập hồ sơ về tài sản, thực hiện trình tự, thủ tục mua sắm, thu hồi, bảo dưỡng, sửa chữa, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản theo quy định hiện hành.

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

ck

2. Sử dụng tài sản nhà nước đúng tiêu chuẩn, định mức; đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

3. Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và chế độ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thuộc lĩnh vực chuyên môn và phạm vi quản lý; công khai tiêu chuẩn, định mức tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan, đơn vị.

4. Thực hiện đăng ký, báo cáo tài sản nhà nước theo đúng quy định.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét xử lý hoặc quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Phan Cao Thắng